

NGHIÊN CỨU VỀ PHÁT ÂM TIẾNG ANH CỦA SINH VIÊN ĐẠI HỌC PHAN THIẾT

Bùi Thị Ngọc Lan^{1,*}

¹Khoa Ngoại Ngữ, Trường Đại học Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Tóm tắt: Nghiên cứu này nhằm chỉ ra những khó khăn trong phát âm tiếng Anh mà người học Tiếng Anh ở Việt Nam gặp phải. Nghiên cứu có sự tham gia của 33 học viên văn bằng 2 của Trường Đại học Phan Thiết, được cung cấp các đoạn hội thoại để thực hành và ghi âm. Cách phát âm của họ sau đó được phân tích và so sánh với Cách phát âm chuẩn RP. Nghiên cứu cho thấy sự khác biệt đáng kể giữa hai cách phát âm, xác định các lỗi phổ biến trong phát âm, trọng âm từ và trọng âm của câu. Bài viết gợi ý rằng việc dạy ngữ âm nên được lồng ghép vào việc dạy kỹ năng nói của sinh viên. Bài viết cũng đề xuất các chiến lược cho giáo viên để giúp học sinh vượt qua những thách thức về phát âm cụ thể. Nghiên cứu này cung cấp những hiểu biết có giá trị cho giảng viên dạy tiếng Anh và người biên soạn chương trình giảng dạy.

Từ khóa: phát âm tiếng Anh, ngữ âm, giảng dạy ngữ âm, kỹ năng nói.

1. GIỚI THIỆU

Việt Nam đang trên đà phát triển nên tiếng Anh hiện nay là môn học chính trong trường học và là công cụ giao tiếp được đánh giá cao tại nơi làm việc. Bất chấp sự tiến bộ vượt bậc này, người học tiếng Anh ở Việt Nam nói chung và sinh viên ĐH Phan Thiết nói riêng thường thiếu tự tin trong cách phát âm tiếng Anh của mình. Điều này có thể xuất phát từ thực tế là việc dạy phát âm ở Việt Nam tương đối bị bỏ quên khi so sánh với các lĩnh vực giảng dạy được coi là ưu tiên cao như ngữ pháp hoặc từ vựng. Ngoài ra, sinh viên ĐH Phan Thiết có giọng nói phát âm thuộc tiếng nói địa phương vùng miền trung nam bộ Việt Nam nên đa phần không phát âm tiếng Anh chuẩn theo RP.

Tuy nhiên, phát âm là hệ thống cơ bản cần thiết cho việc nói tiếng Anh. Vì vậy, mục đích của việc sử dụng đoạn hội thoại được ghi âm do người học nói tiếng bản xứ đọc là để tìm hiểu các lĩnh vực âm vị học trong tiếng Anh mà người Việt Nam gặp khó khăn khi học ngoại ngữ này, đặc biệt là cách phát âm tiếng Anh chuẩn. Bài viết này nhằm giải thích cho vấn đề này và thảo luận một số hàm

ý đối với việc giảng dạy tiếng Anh cho sinh viên ĐH Phan Thiết. Bài viết cũng tập trung phân tích lỗi phát âm tiếng Anh của sinh viên ĐH Phan Thiết khi học tiếng Anh và đưa ra một số giải pháp để cải thiện tốt hơn.

2. TỔNG QUAN CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1 Cơ sở phân tích – Phát âm tiếng Anh chuẩn

Các giảng viên tiếng Anh thường sử dụng cách phát âm chuẩn (Received Pronunciation - RP) làm mô hình để so sánh với cách phát âm của sinh viên. RP là chuẩn phát âm tiếng Anh-Anh, mặc dù nó có nguồn gốc ở vùng Đông Nam nước Anh, nhưng hiện giờ không còn giới hạn về mặt địa lý. Hiện nay, RP được định nghĩa theo thuật ngữ xã hội là “cách nói của các tầng lớp xã hội thượng lưu” và từng nổi tiếng vì được gọi là ‘BBC English’ (Giegrich, 1992). RP (cùng với giọng Mỹ thông thường) là giọng mẫu phổ biến nhất được sử dụng trong các tài liệu giảng dạy tiếng Anh ở hầu hết các nước Châu Âu và Châu Á, trong đó có Việt Nam. Theo hệ thống ngữ âm tiếng Anh, tiếng Anh gồm có

44 âm khác nhau được kết hợp lại tạo thành ngôn ngữ nói. Các âm được sắp xếp theo các nhóm như sau:

2.1.1 Nguyên âm

Roach (2000) cho rằng “nguyên âm là những âm không bị cản trở luồng không khí khi nó đi từ thanh quản đến môi”. Luồng khí này được phát ra, có nghĩa là các dây thanh âm rung lên khi không khí đi qua chúng, sau đó được định hình bằng lưỡi và môi để thay đổi hình dạng tổng thể của miệng (Kelly, 2000). Khi phát âm các âm này, tùy theo từng địa phương, người học tiếng Việt có xu hướng sử dụng nguyên âm dài hoặc ngắn gần giống với nguyên âm tiếng Anh nhất (Yoon & Pratt, 2023).

Trong văn viết tiếng Việt, âm /ə/ được đánh dấu bằng chữ ‘ơ’, trong khi trong tiếng Anh không có cách biểu đạt duy nhất về chính tả (Roach 2004). Vì vậy, người nói tiếng Việt nói chung không nhận thức được sự phân bố của âm yếu trong tiếng Anh và họ có xu hướng phát âm các từ theo cách đánh vần. Điều này tạo nên tiếng Việt có nhiều nguyên âm hơn, 11 nguyên âm đơn bao gồm a, ă, â, e, ê, i/y, o, ô, ơ, u, ư; 32 nguyên âm đôi ai, ao, au, âu, ay, ây, eo, êu, ia, iê/yê, iu, oa, oă, oe, oi, oí, ôi, oo, ôô, ua, uă, uâ, ur, uê, ui, uri, uo, uô, uơ, uơ, uu, uy; và 13 nguyên âm ba gồm iêu/yêu, oai, oao, oay, oeo, uao, uây, uôi, uoi, uou, uya, uyê, so với tiếng Anh trong quy tắc phát âm tiếng Anh chuẩn RP, có tổng cộng 20 nguyên âm, trong đó có 7 nguyên âm đơn âm ngắn (/ɪ/, /e/, /æ/, /ʌ/, /ɒ/, /ʊ/, /ə/), 5 nguyên âm đơn dài (/ɑ:/, /ɜ:/, /i:/, /ɔ:/, /u:/) và 8 nguyên âm đôi (/ɪə/, /eɪ/, /ʊə/, /ɔɪ/, /əʊ/, /eə/, /aɪ/, /aʊ/). Tuy khác nhau về số lượng nhưng lại có sự tương đồng về âm ở 1 số âm. Tiếng Anh có các âm đôi (diphthong), âm 3 (triphthong) chẳng hạn như âm đôi /ou/ sẽ phát âm như mẫu tự “ô” trong tiếng Việt. Tuy cũng có những nguyên âm của tiếng Anh có cách phát âm rất khác với các nguyên âm tiếng Việt như âm /a:/ trong tiếng Anh và mẫu tự “a” trong tiếng Việt; /æ/ có

trong tiếng Anh nhưng không có trong tiếng Việt; các nguyên âm dài đều không có trong tiếng Việt.

2.1.2 Phụ âm

Giống như các nguyên âm, các phụ âm tiếng Anh được tạo ra bằng luồng khí phổi phát ra (Roach, 2000). Tuy nhiên, cách phát âm của phụ âm khác với nguyên âm ở 2 điểm chính; thứ nhất, phụ âm có thể hữu thanh hoặc vô thanh (không giống như các nguyên âm đều được phát âm). Thứ hai, trái ngược với nguyên âm, tất cả các phụ âm đều được tạo ra bằng cách cản trở một phần hoặc toàn bộ đường thanh quản hoặc bằng cách chuyển hướng luồng không khí qua đường mũi (Kelly, 2000). Các loại tắc nghẽn khác nhau phụ thuộc vào cách phát âm và vị trí phát âm. Ví dụ, chúng có thể diễn ra ở các vùng khác nhau của đường hô hấp như môi (hai môi) hoặc ở dây thanh âm (thanh hầu). Sự kết hợp khác nhau giữa vị trí phát âm và cách phát âm, cùng với âm hữu thanh và âm vô thanh, cho phép tạo ra 24 phụ âm cần thiết cho tiếng Anh RP. Mặt khác, tiếng Anh có hệ thống phụ âm đa dạng hơn, trong đó các âm gió như /θ/, /ð/, /ʃ/, /ʒ/, /tʃ/, /dʒ/ mà không có trong tiếng Việt.

Trong quy tắc phát âm tiếng Anh chuẩn RP như đã nói trên, tiếng Anh có tổng cộng 20 nguyên âm, trong đó có 7 nguyên âm đơn âm ngắn (/ɪ/, /e/, /æ/, /ʌ/, /ɒ/, /ʊ/, /ə/), 5 nguyên âm đơn dài (/ɑ:/, /ɜ:/, /i:/, /ɔ:/, /u:/) và 8 nguyên âm đôi (/ɪə/, /eɪ/, /ʊə/, /ɔɪ/, /əʊ/, /eə/, /aɪ/, /aʊ/). Những nguyên âm này được tạo ra bởi sự kết hợp khác nhau của bốn yếu tố:

- Chiều cao nguyên âm hay chiều cao của lưỡi trong miệng, ví dụ: âm đóng, âm giữa và âm mở;
- Độ lùi là mức độ mà thân lưỡi nằm về phía sau miệng, ví dụ: âm trước, âm giữa và âm sau;
- Độ tròn của môi là hình dạng và vị trí của môi, ví dụ: âm tròn, âm trung tính và âm

lan rộng;

d) Độ dài nguyên âm là sự phân biệt giữa nguyên âm ngắn và nguyên âm dài (trong một ngữ cảnh nhất định).

Các sinh viên của Đại Học Phan Thiết học tiếng Anh thường lược bỏ hoặc biến âm phụ âm cuối, nghĩa là sử dụng phụ âm vô thanh hoặc âm cuối không bật hơi đầy đủ (tức là không nghe được hơi thở kèm theo). Ngoài ra, tiếng Việt ít có hiện tượng phụ âm đứng cuối từ (ngoại trừ các âm m, n, ng, t) và những phụ âm này không được phát âm rõ. Đối với tiếng Anh thì điều này rất phổ biến và thường xuyên xảy ra, thêm vào đó là xảy ra sự nối âm giữa 2 từ - phụ âm cuối của từ trước nối với nguyên âm đầu của từ sau.

Ví dụ như this is / ðisiz/

Hơn thế nữa còn có hiện tượng xuất hiện thêm âm để nối 2 từ có nguyên âm đứng kế nhau chẳng hạn như He ate / hi:et/

Tiếng Việt hoàn toàn không có nối âm giữa các từ.

2.1.3 Trọng âm và ngữ điệu

Tiếng Việt là hệ ngôn ngữ đơn âm, có nghĩa là mỗi từ chỉ có 1 âm tiết (one syllable). Trong khi đó tiếng Anh là hệ ngôn ngữ đa âm tức là một từ có thể có nhiều âm tiết, ví dụ như bướm là từ tiếng Việt đơn âm, trong khi đó Tiếng Anh là butterfly /'bʌt.ə.flai/ gồm 4 âm tiết kết hợp lại.

Trong âm vị học tiếng Anh, trọng âm có thể đề cập đến cả trọng âm của từ và trọng âm của câu. Đầu tiên, trọng âm của từ mô tả sự nhấn mạnh (stress) vào một âm tiết cụ thể của một từ. Trong RP, các âm tiết được nhấn mạnh trong tiếng Anh trong một từ có thể mạnh hơn, dài hơn hoặc có cao độ khác so với các âm tiết không được nhấn trọng âm lân cận (Underhill, 2005). Carr (1999) cho rằng trọng âm của từ trong tiếng Anh RP phụ thuộc vào loại từ.

Khoảng thời gian giữa các âm tiết có trọng âm có thể dài hơn hoặc ngắn hơn tùy

thuộc vào số lượng âm tiết không có trọng âm ở giữa (Roach, 2000).

Hầu hết các từ mang chức năng ngữ pháp có tần suất xuất hiện cao đơn âm tiết trong tiếng Anh RP đều có hai cách phát âm trở lên. Một dạng được gọi là dạng mạnh, là dạng có trọng âm được sử dụng khi từ đó được nhấn mạnh. Dạng còn lại, dạng yếu không có trọng âm, thường gặp hơn trong lời nói giao tiếp hàng ngày. Chúng được gọi là dạng yếu vì các nguyên âm trong từ bị rút gọn và/hoặc một phụ âm có thể bị lược bỏ. Pennington (1996: 94) lưu ý rằng qua các bằng chứng thực nghiệm, các nguyên âm trong lời nói nói nhanh, “có xu hướng hướng về các nguyên âm giữa, chuyển thành âm schwa' /ə/.

Ngữ điệu có thể được định nghĩa đơn giản là “cách mà cao độ của giọng nói lên xuống trong quá trình phát âm” (Kelly, 2000:3). Trong tiếng Anh, kiểu ngữ điệu lên và/hoặc xuống mang thông tin bổ sung cho câu nói được phát ra. Roach (2000) đề xuất 4 chức năng chính của ngữ điệu:

- a) Thái độ - biểu đạt cảm xúc và thái độ
- b) Trọng âm – đánh dấu sự nổi bật của các âm tiết được nhấn mạnh
- c) Ngữ pháp – đánh dấu sự khác biệt về cú pháp, ví dụ: phân biệt câu hỏi và câu khẳng định.
- d) Chức năng diễn ngôn – báo hiệu sự tương phản giữa thông tin mới và thông tin đã đưa ra (hoặc thông tin chung).

Trong tiếng Anh, ngữ điệu liên quan đến sự thay đổi cao độ thường xảy ra ở âm tiết điệu tính của một đơn vị thanh điệu. Điều này thường đại diện cho trọng tâm của thông tin trong câu. Âm tiết điệu tính thường là phần từ vựng cuối cùng trong đơn vị thanh điệu, do trong tiếng Anh, thông tin mới được đặt ở cuối (Underhill, 2005).

Theo Martinez–Cedran và cộng sự (2003), tiếng Việt sử dụng các mẫu ngữ điệu tương

tự như tiếng Anh để biểu thị chức năng ngữ pháp, trọng âm thường rơi vào âm tiết cuối trong câu. Tuy nhiên, điểm khác biệt chính là tiếng Việt là hệ ngôn ngữ đơn âm nên có xu hướng sử dụng phạm vi cao độ hẹp hơn nhiều so với tiếng Anh và thay vì sử dụng nhiều biến thể cao độ để làm nổi bật trọng âm nhấn mạnh, các sinh viên lại hay sử dụng thêm độ dài âm tiết. Vì vậy, khi học tiếng Anh, đọc to tiếng Anh, họ sử dụng giọng đều đều, gần như đơn điệu.

Chính vì thế người nói ‘có thể không gây được hào hứng hoặc nhầm chán đối với người nghe nói tiếng Anh’ (Swan và Smith 2001: 96).

2.2 Đối tượng khảo sát

Mẫu nghiên cứu là các sinh viên văn bằng 2 của Trường Đại học Phan Thiết (UPT), tỉnh Bình Thuận, Việt Nam. Trình độ của họ đang tương đương với Chứng chỉ B2 Trung cấp và lịch học là hai ngày một tuần; mỗi tuần học trong 16 tiết (45 phút/ tiết). Học viên ở độ tuổi từ 25 đến 55 và đang học tiếng Anh để thi đầu vào. Một số đã học tiếng Anh suốt bảy năm ở trường trung học. Một số khoảng 40 đến 55 tuổi và đã học tiếng Anh liên tục trong 20 năm qua. Những học viên này được chọn vì họ đại diện cho trình độ B2 và cuộc đối thoại của họ sẽ cho phép phân tích một loạt các đặc điểm của người học tiếng Anh.

2.3 Phương pháp nghiên cứu

33 học viên văn bằng 2 chuyên ngành Ngôn ngữ Anh tại Đại học Phan Thiết đã được cung cấp các đoạn hội thoại để thực hành. Họ đọc và ghi âm bằng phần mềm trên điện thoại, sau đó người nghiên cứu sẽ phân tích và viết lại cách phát âm của họ, đồng thời so sánh với phát âm chuẩn RP. Thông qua việc phân tích, mô tả và so sánh kết hợp với việc dẫn chứng từ ví dụ, người viết làm sáng tỏ sự khác biệt giữa hai cách phát âm và chỉ ra những lỗi sai trong việc phát âm, nhấn trọng âm của từ và trong cả câu, đồng thời tìm ra giải pháp để cải thiện những điểm

yếu này. Do giới hạn về dung lượng bài viết, chúng tôi chỉ tóm tắt và sử dụng một trong 18 đoạn hội thoại để minh họa (Phụ lục A).

2.4 Lỗi phát âm tiếng Anh của sinh viên và cách khắc phục

2.4.1 Phát âm thiếu trọng âm

Một trong những lỗi phát âm nghiêm trọng nhất của học viên Việt Nam trong lúc phát âm tiếng Anh là sự lẫn lộn hoặc không có trọng âm. Như đã đề cập, tiếng Anh là một hệ thống ngôn ngữ đa âm tiết, và với mỗi từ nhiều âm tiết nhiều như vậy đều có một âm tiết được nhấn mạnh (stress) (lên giọng và nói to hơn) và các âm khác sẽ được giảm nhẹ.

Ví dụ như communication /kəmjʊnəˈkeɪʃn/ có trọng âm là âm thứ tư, từ khá quen thuộc nhưng cũng hay phát âm sai thành trọng âm ở âm thứ hai. Đó là do nhầm lẫn với động từ communicate/ kəˈmjʊnəkeɪt/

Theo cùng với việc sai trọng âm là các âm tiết khác trong từ cũng bị sai lệch.

Như đã nêu trên tiếng Việt là thuộc hệ ngôn ngữ đơn âm, nên sinh viên học tiếng Anh của trường ĐH Phan Thiết nói riêng cũng như người Việt học tiếng Anh nói chung đã quen với việc phát âm từng âm tiết và không có trọng âm, có xu hướng đọc đều đều các từ mà không nhấn âm nào, nhất là trong những từ đa âm tiết. Do vậy, khi học một từ mới, người học vẫn phải tra phiên âm của từ, xác định trọng âm nằm ở âm tiết nào lên giọng phát âm rõ, giảm âm và xuống giọng ở những âm tiết còn lại.

2.4.2 Phát âm thiếu âm cuối và nối âm

Như đã nêu trên, trong tiếng Việt, các âm cuối thường không được phát âm ra như khi phát âm từ ‘lặng thinh’ thì âm cuối ng và nh không phát âm. Thế nên khi phát âm tiếng Anh các sinh viên phần đông lược bỏ các âm cuối không phát âm ra read/ri:d/. Điều này không chỉ làm cho phát âm của sinh viên thiếu tự nhiên mà còn gây nhiều khó khăn

cho người nghe. Từ đó sinh viên không thể nào nối với từ kế tiếp nếu xảy ra có sự kết nối ở đó, và sẽ gặp khó khăn khi giao tiếp trong việc nghe người bản xứ nói gì.

2.4.3 Phát âm thiếu âm giữa của các từ nhiều âm tiết

Nhiều sinh viên lại có thói quen thêm âm không có vào như các âm /s/ hay /f/

Thí dụ như that is /ðæts i/ đây là lỗi phổ biến nhất.

Ngoài ra, rất nhiều học viên uốn lưỡi để tạo âm /r/, bất kể trong từ không có âm này. Việc uốn lưỡi liên tục làm cho phát âm bị mờ, cứng, gây ra cảm giác thiếu tự nhiên lúc nói. Phát âm sai trong một thời gian dài sẽ góp phần hình thành một thói quen xấu mà sinh viên khó bỏ.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Trong phần này, người viết sẽ phân tích các vấn đề mà người học gặp phải với từng âm trong tiếng Anh (Phần phụ lục A)

3.1 Nguyên âm

Chúng ta có thể quan sát thấy tiếng Việt có 11 nguyên âm đơn và 12 nguyên âm đôi. Điểm khác biệt chính, trái ngược với RP English, là trong tiếng Việt không có độ dài nguyên âm. Vì vậy, người học tiếng Việt gặp rất nhiều khó khăn khi nghe sự khác biệt giữa các nguyên âm tiếng Anh dài và ngắn có âm thanh giống nhau.

3.1.1 Phân biệt nguyên âm đơn /i:/ and /I/

Cả hai âm chuẩn RP này thường được người học thể hiện bằng âm /i/ trong tiếng Việt. Tuy nhiên, nguyên âm /i:/ trong tiếng Anh dài hơn /i/ và yêu cầu môi phải mở rộng hơn /i/ trong tiếng Việt. Trong khi nói, người học tiếng Anh phát âm từ “tea” thành /ti/, “eat” thành /it/. Nhưng học sinh miền Nam Việt Nam phát âm “tea” là /ti/; “ăn” dưới dạng /it/. Có thể cách viết kép chữ ‘e’ trong từ ‘coffee’ giúp nhắc nhở người học về ý tưởng của nguyên âm dài, nên ‘ee’ trong từ

‘coffee’ được phát âm thành âm /i:/ dài.

3.1.2 Phân biệt nguyên âm đơn /u:/ và /ʊ/

Người Việt không phân biệt được nguyên âm /u:/ và /ʊ/ vì họ chỉ có âm /u/. Ví dụ. Người nói tiếng Việt phát âm ‘too’ là /tu/ thay vì /tu:/, “good” là /gud/ thay vì /gʊd/.

3.1.3 Phân biệt nguyên âm đơn /ɔ:/ và /ɒ/

Cả hai âm này đều không tồn tại trong tiếng Việt và do đó học sinh thường sử dụng nguyên âm /o/. Điều này có thể được nghe thấy trong cách phát âm ‘hot’ /hot/ của người nói tiếng Việt thay vì /hɒt/.

3.1.4 Phân biệt nguyên âm đơn /ɜ:/ và /ə/

Tiếng Việt không có âm /ɜ:/ và thường được phát âm là /ơ/, nghe tương tự như âm /ə/. Điều này có thể giải thích tại sao người Việt phát âm ‘journey’ là /dʒənei/. Quan trọng hơn là âm /ə/ yếu rất thường xuyên xuất hiện trong RP. Vì tiếng Việt có âm /ə/ yếu, không nhấn trọng âm (xem Phụ lục B), vì vậy, người nói tiếng Anh thường không gặp vấn đề gì khi tạo ra các âm này. Tuy nhiên, trong tiếng Việt, âm /ə/ được biểu thị bằng chữ ‘ơ’. Do đó, người Việt thường không nhận biết được sự phân bố của âm yếu trong tiếng Anh và thường có xu hướng phát âm các từ dựa trên cách đánh vần.

3.1.5 Phân biệt nguyên âm đơn /æ/ và /a:/

Không có các âm /æ/ và /a:/ trong tiếng Việt, mà chúng tương ứng với /e/ và /a/. Vấn đề trở nên phức tạp hơn do có nhiều cách kết hợp chính tả khác nhau trong tiếng Anh. Điều này có thể được quan sát thấy trong suốt cuộc đối thoại (xem Phụ lục A). Ví dụ: Người học phát âm từ ‘bad’ /bed/ thay vì /bæd/. Vấn đề này cũng có thể gây nhầm lẫn ở mức độ tiếp thu, chẳng hạn không dễ phân biệt các từ như ‘bad’ và ‘bed’. Đó là do cách để môi lưỡi khác nhau: /æ/ khẩu hình là /a/ nhưng âm phát ra là /e/

3.2 Phụ âm

3.2.1 Phụ âm cuối bị yếu/biến dạng

Điều này đặc biệt xảy ra với âm phụ /d/ và /t/ ở vị trí cuối từ. Một trong những ví dụ rõ ràng nhất về cách phát âm sai âm cuối cùng này là cách phát âm của từ ‘out’ /aʊ/ của người B ở dòng 6.

3.2.2 Cách phát âm của /t/ và /d/

Không có các âm /d/ và /t/ xuất hiện ở vị trí cuối từ trong tiếng Việt, và chúng xuất hiện ở vị trí đầu từ dưới dạng âm răng không bật hơi thay vì tiếng Anh chuẩn RP, âm tương đương với âm vòm họng bật hơi. Trong tiếng Việt, người nói không bật hơi âm cuối. Điều này rõ ràng là do ngôn ngữ đơn âm của tiếng Việt (xem cách phát âm /t/ và /d/ của tiếng Việt ở Phụ lục 1).

3.2.3 Phát âm các âm xát/âm tắc xát sau lợi

Các âm vị tiếng Anh RP sau lợi bao gồm: /ʃ/, /tʃ/, /ʒ/, /dʒ/, còn tiếng Việt chỉ có âm /ʃ/ và /tʃ/ (xem phụ lục C). Việc phân phối của âm /ʃ/ trong tiếng Việt khá khác với tiếng Anh chuẩn RP, chẳng hạn như chúng không xuất hiện ở vị trí cuối từ. Âm /tʃ/ xuất hiện ở cả vị trí đầu và cuối của một từ. Tiếng Việt không có âm /ʒ/, /dʒ/, thay vào đó, chúng được phát âm là /gi/ và /z/ bởi người Việt.

3.2.4 Cách phát âm của /b/ và /v/

Tiếng Việt chỉ có âm /b/ và /v/ xuất hiện ở vị trí đầu tiên của một từ, và nó hoàn toàn không giống âm /b/ trong tiếng Anh RP. Điều này có thể giải thích tại sao người A phát âm là /v/ trong ‘have’ và được thay thế bằng /p/ ở dòng 1 (xem phụ lục C) và người nói sử dụng âm xát môi răng /ph/ thành /f/. Hiện tượng này cũng rõ ràng đối với Người B ở dòng 4. Người B phát âm từ ‘lovely’ là /lopli/ với cùng lý do giống như cách người A phát âm từ ‘have’ /hep/.

3.2.5 Cách phát âm của /θ/

Tiếng Việt cũng không có âm /θ/, âm xát môi răng được phát âm là âm lợi bật hơi /th/. Ví dụ: Người B ở dòng 4 phát âm từ ‘thank you’ thành /thank kju/ thay vì /θæŋ kju:/.

3.3 Phân tích ngữ điệu

Trong phần này, người viết sẽ phân tích các vấn đề mà người học gặp phải với các đặc điểm siêu phân đoạn của tiếng Anh.

3.3.1 Trọng âm và nhịp điệu

Các từ chức năng ngữ pháp có thể kể đến như giới từ (ví dụ: to hoặc for) hoặc trợ từ (ví dụ: have hoặc do) có thể có 2 kiểu trọng âm khác nhau, loại mạnh và loại yếu. Đối với danh từ, âm tiết được đặt trọng âm thường xuất hiện ở vị trí áp chót (ví dụ: “potato”) hoặc vị trí thứ ba kể từ dưới lên (“camera”). Danh từ có trọng âm ở cuối âm tiết rất hiếm và chủ yếu là từ mượn từ các ngôn ngữ khác (ví dụ: “magazine”). Mặt khác, danh từ thường có trọng âm ở âm tiết đầu tiên, trong khi động từ và tính từ thường có trọng âm ở âm cuối. Điều này đôi khi có thể giúp phân biệt những danh từ và động từ viết giống nhau, ví dụ: produce (n)/ ‘prɒdju:s/ so với produce (v). /prə’dju:s/.

Từ tiếng Việt không có trọng âm rơi vào âm tiết do thuộc loại ngôn ngữ đơn âm tiết. Vì vậy, người Việt học tiếng Anh có xu hướng phát âm các từ tiếng Anh với cách phát âm đơn điệu. Điều này thường dẫn đến nhiều từ có nhiều âm tiết.

Trong tiếng Anh, các âm tiết có trọng âm thường thay đổi cao độ và được phát âm rõ ràng hơn, trong khi các âm tiết không được nhấn trọng âm bị giảm cao độ và thường được phát âm với nguyên âm trung tính /ə/ hoặc /I/.

Vì tiếng Việt là ngôn ngữ đơn âm tiết, mà tất cả các từ có một âm tiết đều có thời gian phát âm như nhau. Do đó, những người học tiếng Anh ở Việt Nam có thể chuyển điều này sang tiếng Anh và có thể thấy một số minh chứng về điều này trong một số đoạn hội thoại dài hơn. Người nói B ở dòng 8 (xem phụ lục A) phát âm từng từ (âm tiết) trong câu với trọng âm, độ dài gần như bằng nhau nhưng cao độ khác nhau. Điều này thường xảy ra trong các câu hỏi, câu nhấn mạnh.

3.3.2 Dạng yếu và dạng mạnh

Các nguyên âm trong lời nói nói nhanh, “có xu hướng hướng về các nguyên âm giữa, chuyển thành âm schwa’ /ə/, ví dụ ‘and’ có thể được phát âm là /ənd/ hoặc ‘must’ thành /məst/.

Những dạng yếu này thường không được thể hiện và do đó khó khăn lớn nhất đối với người học tiếng Anh trước hết là nhận biết sự tồn tại của chúng và khi nào nên sử dụng chúng. Kết quả của hai vấn đề này là người học lạm dụng cách phát âm mạnh và điều này góp phần tạo nên nhịp điệu câu ngắt quãng vốn là đặc trưng của người học tiếng Anh ở Việt Nam. Một ví dụ rõ ràng về điều này trong đoạn hội thoại là cách phát âm ‘that’ /ðət/ và ‘could’ /kud/ của người nói A ở dòng 5 (phụ lục A). Trong RP, người nói sẽ phát âm “that” là /ðæt/ và “could” là /kəd/ (hoặc /kəp/ do sự đồng hóa). Một ví dụ khác là khi người nói A nói “would you like” /'wud 'ju 'lai/. Một người nói tiếng Anh chuẩn RP có lẽ sẽ nói /wədʒə'laɪk'/, nghĩa là giảm các nguyên âm thành âm schwa để có thể nói nhanh hơn, mượt mà hơn.

3.3.3 Ngữ điệu

Âm tiết điệu tính thường là phần từ vựng cuối cùng trong đơn vị thanh điệu, do trong tiếng Anh, thông tin mới được đặt ở cuối. Ví dụ: trong đoạn hội thoại, ở dòng 4 của người nói RP: |'ti: wə'bi'ləvli| có âm tiết điệu tính là ‘LOVly’ và đây là từ vựng cuối cùng trong đơn vị thanh điệu.

Một ví dụ về việc người Việt thích sử dụng thêm độ dài âm tiết, đọc to tiếng Anh, sử dụng giọng đều đều, gần như đơn điệu, không biến đổi cao độ một cách đầy đủ trong tiếng Anh được thể hiện trong đoạn hội thoại ở dòng 6 của người nói B. Ở đây, chức năng ngữ dụng của cách phát âm truyền đạt rằng người B rất vui khi dành thời gian cho người nói A. Vì vậy, chúng ta mong đợi sự thay đổi cao độ lớn hơn nhiều, đặc biệt là ở các từ. ‘pleasure’ và ‘all’, hơn những gì người nói B

thực sự diễn đạt.

4. KẾT LUẬN VÀ HÀM Ý QUẢN TRỊ

4.1 Kết luận

Bài viết này cố gắng tìm hiểu những khó khăn mà người học tiếng Anh ở Việt Nam nói chung và ở trường ĐH Phan Thiết nói riêng gặp phải với phát âm tiếng Anh, nhấn mạnh các vấn đề chủ yếu liên quan đến các nguyên âm dài, nguyên âm ngắn và một số phụ âm cụ thể. Sau đó, người viết thảo luận về các vấn đề mà người học thường gặp phải khi học tiếng Anh ở khía cạnh ngữ điệu. Cuối cùng là một số ý kiến cho rằng việc dạy âm vị học nên được phục hồi bằng cách lồng ghép vào hoặc lấy làm trọng tâm của các hoạt động trong lớp học. Việc làm này sẽ giúp nâng cao nhận thức về các đặc điểm chính của âm vị học tiếng Anh và cung cấp cho sinh viên học tiếng Anh những công cụ để cải thiện khả năng nói của họ.

4.2 Hàm ý giáo dục

Nhìn chung, việc dạy phát âm ở Việt Nam nói chung vẫn còn chưa được chú trọng đúng mức, nhất là các sinh viên đại học Phan Thiết ở tỉnh và các địa phương xa trung tâm việc học tiếng Anh được coi như điều quý hiếm, về phần phát âm lại càng gặp khó khăn nhiều hơn vì ảnh hưởng âm giọng địa phương miền nam trung nam Việt Nam. Điều này có thể thấy qua thực trạng nhiều sách giáo khoa đưa vào chương trình dạy và học ở trường được biên soạn chủ yếu là về ngữ pháp hoặc từ vựng, và có thể là do hiệu ứng ngược từ hệ thống trường học Việt Nam không có bài kiểm tra nói cụ thể cho tiếng Anh. Kelly (2003:14) đề xuất rằng việc dạy phát âm trong lớp học có 3 hình thức:

a) Tích hợp – Trong đó phát âm là một phần thiết yếu của việc trình bày, phân tích và thực hành ngôn ngữ trong một bài học.

b) Sửa lỗi – Khi các khó khăn về phát âm, vướng mắc của người học được giải quyết ngay lập tức để đạt được thành công trong

hoạt động lớp học (phương pháp dạy phản ứng).

c) Luyện tập – Một đặc điểm cụ thể của phát âm được tách biệt và luyện tập, từ đó hình thành trọng tâm chính của bài học.

Vì bối cảnh giảng dạy là song ngữ nên các giảng viên có thể đoán trước được những vấn đề phát âm cụ thể mà người nói hai ngôn ngữ sẽ gặp phải. Tất nhiên, giảng viên dạy tiếng Anh cần có nền tảng lý thuyết ngôn ngữ và phát âm tốt. Tuy nhiên, giả sử rằng họ có được điều này, không có lý do gì giảng viên không thể kết hợp nhiều yếu tố hơn trong các bài học tích hợp hoặc bài học thực hành do Kelly đề xuất vào giáo trình giảng dạy hiện tại của họ. Đây là những lĩnh vực mà giảng viên người Việt dạy tiếng Anh nên tập trung vào:

4.2.1 Khắc phục lỗi về âm vị

Giảng viên nên cung cấp những lời giải thích sát thực cho học viên về cách thức và vị trí phát âm các nguyên âm, phụ âm khi họ thực hành phát âm sai, sử dụng biểu đồ phiên âm, luyện tập các âm và dạy các ký hiệu phiên âm từ sớm sẽ cung cấp cho người học công cụ phát âm hữu ích.

4.2.2 Khắc phục lỗi về trọng âm từ và câu

Khi nhắc đến từ vựng, Underhill (2005) gợi ý rằng giảng viên nên đặt ra các bộ câu hỏi nâng cao nhận thức, ví dụ: ‘Từ này có bao nhiêu âm tiết? Âm tiết nào được nhấn mạnh?’ Ngoài ra, giảng viên nên làm rõ trọng âm của từ để cho học sinh biết âm tiết nào mang trọng âm chính. Người học có thể thực hành gạch dưới hoặc đánh dấu các âm tiết được nhấn mạnh. Roach (2000) cũng

nhấn mạnh giá trị của việc lặp lại các câu có nhịp điệu, buộc người học phải tập trung vào việc làm cho các âm tiết không được nhấn mạnh trở nên yếu đi.

4.2.3 Luyện tập nói các dạng âm yếu

Roach (2000: 83) nhấn mạnh rằng ‘người học tiếng Anh cần học chỗ phát âm /ə/ chỗ nào phù hợp và chỗ nào không’, ông ủng hộ việc nghiên cứu các kiểu đánh vần thường tạo ra các âm tiết yếu. Nâng cao nhận thức của học viên về vị trí của các âm tiết yếu thông qua việc nghe và cho phép họ thực hành phát âm các dạng mạnh và yếu cũng có thể là một phần của các bài học ‘ngữ pháp’ tích hợp.

Nói tóm lại, các sinh viên thường mắc lỗi khi phát âm tiếng Anh với nhiều lý do. Là do bởi nhiều âm trong tiếng Anh không có trong tiếng Việt, kể đến là do bản chất khác nhau giữa hai ngôn ngữ, hầu như các sinh viên không quen với việc phát âm những âm đuôi và âm gió, nhất là trong những từ đa âm tiết và rời âm mạnh, yếu, to nhỏ. Việc hai hệ ngôn ngữ có những thành phần và quy tắc phát âm rất khác biệt gây ra rất nhiều khó khăn cho người học. Và điều này cũng ảnh hưởng đến kỹ năng nghe của sinh viên trong các kỳ thi chuẩn tiêu chí phát âm, hay lúc giao tiếp làm việc với người nước ngoài.

Với mục đích cải thiện khả năng phát âm, trước hết sinh viên cần hiểu rõ bản chất của hai ngôn ngữ và nhận thức được những lỗi phát âm mà mình đã hoặc có thể sẽ mắc phải. Quan trọng hơn cả, học viên cần chuẩn hóa từng âm trong tiếng Anh trước khi bắt đầu vào những bài học phức tạp.

Thông tin Tác giả

ThS. Bùi Thị Ngọc Lan (*Tác giả liên hệ). Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.

Email: btnlan@upt.edu.vn

Thông tin bài báo

Ngày nhận bài: 18/01//2024

Ngày hoàn thiện biên tập: 17/02/2024

Ngày duyệt đăng: 24/02/2024

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Carr, P. (1999) English Phonetics and Phonology – An introduction. Oxford: Blackwell.
- Giegrich, H. J. (1992) English Phonology-An Introduction. Cambridge: CUP.
- Kelly, G. (2000) How to teach pronunciation. Harlow: Longman.
- Pennington, M.C. (1996) Phonology in English Language Teaching. London: Longman.
- Roach, P. (2000) English phonetics and phonology – A practical Course 3rd Edition. Cambridge: CUP.
- Roach, P. (2004) British English: Received Pronunciation. Journal of the International Phonetic Association, 34, p 239-245
- Swan and Smith (Eds.) (2001) – Learner English – A teacher's guide to interference and other problems. Cambridge: CUP.
- Underhill, A. (2005) Sound Foundations. Oxford: Macmillan.
- Yoon, B., & Pratt, K. L. (2023). Primary Language Impact on Second Language and Literacy Learning. The USA: Rowman & Littlefield.

APPENDIX A – DIALOGUE TRANSCRIPTION. (BLUE FOR FAST COLLOQUIAL RP / RED FOR STUDENT)

Line 1 Speaker A: Did you have a good journey yesterday?

|'dɪdʒu'əvə 'gʊd 'dʒɜ:nɪ 'jestədeɪ |
|'dɪd 'ju: 'hep ə 'gu 'dʒəni 'jestədeɪ |

Line 2 Speaker B: Not too bad, just one short delay waiting in Manchester.

|nɒ'tu: 'bæd | 'dʒəs'wən'fɔ:t dɪ'leɪ 'weɪtɪŋ 'ɪn 'mæn,tʃɪstər |
|nɒ'tu 'bed | 'dʒəs 'wʌn 'fɔt'di'leɪ 'weɪtɪŋ 'ɪn 'men,tʃestə |

Line 3 Speaker A: Good. Would you like something to drink? Tea, coffee?

|'gʊd. | wədʒə'laɪk'səmθɪŋtə 'drɪŋk |'ti: |'kɒfi: |
|'gʊd | 'w(g)ʊd 'ju 'laɪ 'səm'thɪŋ tu 'drɪŋ |'ti'kɒ'fi |

Line 4 Speaker B: Tea would be lovely. Thank you.

|'ti: wə'bɪ'ləvli | 'θæŋ'kju:|
|'ti: wʊl'bi'ləp 'li | 'θaŋ 'kju:|

Line 5 Speaker A: It's great that we could meet today.

|'ɪts 'greɪt 'ðæt 'wɪ'kəp'mi: tə'deɪ|
|'ɪts 'greɪt 'ðæt 'wɪ'kʊd 'mi'tu'deɪ|

Line 6 Speaker B: It's a real pleasure and it's not out of my way at all.

|'ɪtsə 'ri:əl 'pleʒər |ən'ɪts 'nɑ'taʊ 'təv 'maɪ'weɪ jə 'tɔ:l |
|'ɪt sə 'riəl ple'ʒə and 'ɪts 'nɒt 'aʊ 'tə maɪ 'weɪ ə'tɒl.|

Line 7 Speaker A: Oh, let me put the kettle on.

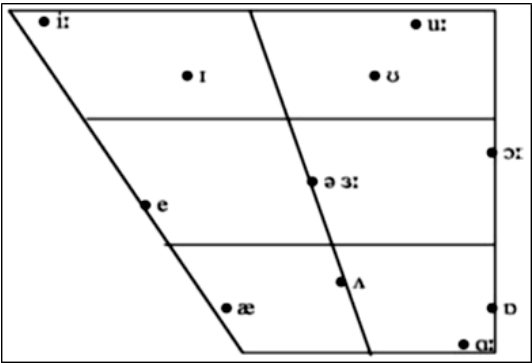
|'əʊ |'lep'mi: 'pʊ'ðə 'ketl'ən.|
|'ə 'let 'mi 'pu ðə 'ke'təl'on |

Line 8 Speaker B: Yes, then we can catch up on what's been happening since last time.

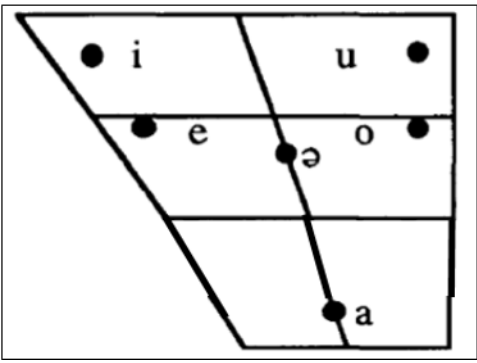
|'jes | 'ðen 'wɪkən'kætʃə'pənwəts 'bɪn 'hæpənɪŋ 'sɪns 'la:s 'taɪm |
|'jes 'ðen 'wɪ 'ken 'ke'tʃʌp 'on 'wɒts 'bɪn 'hepə'nɪŋ 'sɪns 'las'taɪm |

APPENDIX B – VOWEL SOUNDS

The RP vowel trapezium (Roach, 2004)



Vietnamese trapezium vowel



APPENDIX C – CONSONANT SOUNDS

Consonants in RP English (Roach, 2004)

Consonants

	Bilabial	Labiodental	Dental	Alveolar	Post-alveolar	Palatal	Velar	Glottal
Plosive	p b			t d			k ɡ	
Affricate					tʃ dʒ			
Nasal	m			n			ŋ	
Fricative		f v	θ ð	s z	ʃ ʒ			h
Approximant	(w)				r	j	w	
Lateral approximant				l				

Consonants in Vietnamese (accd. to my own experience)

	Bilabial	Labiodental	Dental	Alveolar	Post-alveolar	Palatal	Velar	Glottal
Plosive	p b			t th đ	ch		k ɡ	
Affricate								
Nasal	m			n	nh		ŋ	
Fricative		ph v		x gi	s			h
Approximant	qu				r	d	qu	
Lateral approximant				l				

A STUDY OF THE ENGLISH PRONUNCIATION OF VIETNAMESE STUDENTS AT UNIVERSITY OF PHAN THIET

Bui Thi Ngoc Lan^{1,*}

¹Faculty of Foreign Languages, University of Phan Thiet, Binh Thuan Province, Vietnam

Abstract: *This study aims to show the difficulties in English pronunciation that English learners in Vietnam encounter. The study involved 33 second-degree students at Phan Thiet University, who were provided with dialogues to practice and record. Their pronunciation was then analyzed and compared with the standard Received Pronunciation (RP). The study reveals significant differences between the two pronunciation styles, identifying common errors in pronunciation, word stress, and sentence stress. The paper suggests that phonics teaching should be integrated into teaching students' speaking skills. The paper also suggests strategies for teachers to help students overcome specific pronunciation challenges. This study provides valuable insights for English instructors and curriculum writers.*

Key words: *English pronunciation, phonetics, teaching phonetics, speaking skills*

Author Information:

MA. Bui Thi Ngoc Lan (*Corresponding author). Faculty of Foreign Languages, University of Phan Thiet, Binh Thuan Province, Vietnam.

Email: btnlan@upt.edu.vn